

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1007/QĐ-ĐHNT, ngày 07 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: Luật Kinh tế

Tiếng Anh: Economic Law

I.2. Tên ngành: Kinh tế

Mã số: 7310101

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 140 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức Giáo dục thể chất và An ninh - Quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: Kinh tế

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy chuyên ngành Luật Kinh tế được xây dựng nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế; rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản để có thể hành nghề hiệu quả; hình thành năng lực tự học và học tập suốt đời; giúp người học phát triển tư duy phản biện, độc lập trong suy nghĩ và phát triển nhân cách hài hòa.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1 Mục tiêu chung:

Chương trình nhằm đào tạo những cử nhân Luật Kinh tế có đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức và tư duy tổng hợp về pháp luật nói chung, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về pháp luật kinh tế nói riêng; đồng thời được trang bị những kiến thức cơ bản và những năng lực đủ để nghiên cứu và xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế ở góc độ khoa học pháp lý.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Luật Kinh tế của Trường Đại học Nha Trang sẽ có nhiều cơ hội để trở thành các chuyên gia pháp luật am hiểu về kinh tế, đủ khả năng đảm nhận những vị trí công tác liên quan đến hoạt động kiểm soát, pháp chế tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước.

II.2 Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp đại học chuyên ngành Luật kinh tế có các phẩm chất, kiến thức, kỹ năng như sau:

1. Về phẩm chất: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, phục vụ vì sự phát triển bền vững của đất nước.
2. Về kiến thức: Có kiến thức về kinh tế - xã hội, kiến thức về luật pháp trong lĩnh vực kinh tế. Từ đó sinh viên có khả năng tư duy hệ thống, phân tích, tổng hợp, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; Biết tiếp cận các vấn đề trong bối cảnh xã hội luôn biến động, bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học thuộc chuyên ngành Luật Kinh tế; Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau.
3. Về kỹ năng: Thông qua các phương pháp học tập đa dạng, sinh viên được trang bị các kỹ năng mềm (như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian...) và các kỹ năng thực hành pháp luật cơ bản như kỹ năng giao tiếp với khách hàng, kỹ năng nói, viết và nghiên cứu pháp luật, kỹ năng phân tích án lệ, kỹ năng tư vấn, kỹ năng tranh tụng, kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại, kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại...

Sử dụng tốt tiếng Anh; thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế tốt nghiệp Trường Đại học Nha Trang có:

A. Về kiến thức

A.1. Kiến thức cơ bản

A1.1 Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

A1.2. Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

A1.3. Có kiến thức về Tiếng Anh và tin học để giao tiếp, đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Anh và xử lý các vấn đề tin học phục vụ công việc.

A2. Kiến thức nghề nghiệp

A2.1. Nắm vững những vấn đề lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật.

A2.2. Nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế.

A2.3. Nắm vững các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý theo nhóm ngành và ngành về Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Thương mại quốc tế, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Môi trường, Luật Đầu tư, Luật Tài chính – Ngân hàng, Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế... để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

A2.4. Có năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật.

A2.5. Am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động dân sự, kinh doanh, thương mại, tài chính – ngân hàng trong nước cũng như thế giới.

B. Về kỹ năng

B1. Kỹ năng cơ bản

B1.1. Có kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo cũng như kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm có hiệu quả cao.

B1.2. Có năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng lập luận, thuyết phục hiệu quả.

B1.3. Có kỹ năng giao tiếp và truyền thông hiệu quả.

B1.4. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

B.2. Kỹ năng nghề nghiệp

B2.1. Có kỹ năng nghiên cứu và phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các qui định pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

B2.2. Có khả năng tư vấn, giải quyết các vụ việc liên quan đến pháp luật kinh tế một cách độc lập.

B2.3. Có kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong quản lý, điều hành và kinh doanh. Đồng thời, soạn thảo, tổng hợp, hiệu đính, góp ý các văn bản pháp quy.

B2.4. Có khả năng tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị.

C. Về thái độ

C1. Có phẩm chất, đạo đức tốt.

C2. Tôn trọng pháp luật, các quy định, các chuẩn mực của cơ quan, tổ chức; tôn trọng cá nhân.

C3. Có tinh thần hợp tác, quan hệ đúng mực với đối tác, quan hệ tốt với đồng nghiệp.

C4. Có ý thức vượt khó, tinh thần và trách nhiệm cao trong học tập và công tác.

C5. Có đạo đức nghề nghiệp; suy nghĩ trên nền tảng đạo lý, quyết định và hành động trên cơ sở pháp lý.

C6. Có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, phục vụ lợi ích của cộng đồng vì sự phát triển chung của toàn xã hội.

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Luật kinh tế có thể làm việc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- Lĩnh vực 1: Nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị...

- Lĩnh vực 2: Chuyên viên pháp lý tại các cơ quan nhà nước (các bộ, ban, ngành), các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế...

- Lĩnh vực 3: Công chức pháp lý tại các cơ quan tư pháp (thẩm phán, thư ký tòa, chấp hành viên, kiểm sát viên, điều tra viên...)

- Lĩnh vực 4: Tư vấn và hỗ trợ pháp lý (luật sư, công chứng viên, thừa phát lại, hòa giải viên, trọng tài viên, đấu giá viên).

Cụ thể, sinh viên có năng lực làm việc tại các nơi làm việc sau:

- Các cơ quan nhà nước: các bộ, ban, ngành, tòa án, viện kiểm sát... từ trung ương đến địa phương;

- Các cơ sở nghiên cứu và đào tạo: Viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng...;

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh (tập đoàn, công ty, doanh nghiệp, ngân hàng...).

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I. Kiến thức giáo dục đại cương	44	31,4	36	81,8	8	18,2
1. Khoa học Xã hội và Nhân văn	20	14,2	16	80	4	20
2. Khoa học Tự nhiên và Kinh tế	5	3,6	3	60	2	40
3. Ngoại ngữ	8	5,7	8	100	0	0
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7,9	9	81,8	2	18,2

II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	96	68,6	82	85,4	14	14,6
1. Kiến thức cơ sở ngành	46	32,9	42	91,3	4	8,7
2. Kiến thức chuyên ngành	50	35,7	40	80	10	20
Tổng cộng	140	100	118	84,3	22	15,7

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		44				
I.	KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN	20				
I.1	Các học phần bắt buộc	16				
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2				A1.1, C1, C6
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3			1	A1.1, C1, C6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2	A1.1, C1, C2, C3, C4, C5, C6
4	Đường lối Cách mạng của ĐCS Việt Nam	3			3	A1.1, C1, C2, C3, C4, C5, C6
5	Logic học đại cương	2				A1.1, B1.1, B1.2
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	20	10		B1.2, B1.3
7	Xã hội học đại cương	2	20	10		A1.1, A2.5

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
I.2	Các học phần tự chọn	4				
8	Tâm lý học đại cương	2	20	10		A1.1, B1.3
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	22	08		A1.1, B1.3
10	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2	20	10		A1.1, A2.1, A2.4
11	Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	15	15		B1.1, B1.2
II.	KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ	5				
II.1	Các học phần bắt buộc	3				
12	Tin học cơ sở	2				A1.3, B1.4
13	Thực hành tin học cơ sở	1				B1.4
II.2	Các học phần tự chọn	2				
14	Thương mại và Môi trường	2	20	10		A1.2, A2.5
15	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	20	10		A1.1, A1.2
III.	NGOẠI NGỮ	8				
16	Ngoại ngữ 1	4				A1.3, B1.4
17	Ngoại ngữ 2	4			16	A1.3, B1.4
IV.	GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG AN NINH	11				
IV.1	Các học phần bắt buộc	9				
18	Điền kinh	1				
19	Đường lối quân sự của Đảng CSVN	3				
20	Công tác quốc phòng - an ninh	2				
21	Quân sự chung và Chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và	3				

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
	CKC					
IV. 2	Các học phần tự chọn	2				
22	Bóng đá	1			18	
23	Bóng chuyền	1			18	
24	Cầu lông	1			18	
25	Võ thuật	1			18	
26	Bơi lội	1			18	
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		96				
I.	Kiến thức cơ sở ngành	46				
I.1	Các học phần bắt buộc	42				
27	Kinh tế vi mô	3	30	15	2	A1.2, A2.2
28	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	27	A1.2, A2.2
29	Quản trị học	3	30	15		A1.2, A2.2, B1.1
30	Tài chính tiền tệ	3	30	15	28	A1.2, A2.2
31	Lý luận chung về nhà nước	2			1	A2.1
32	Lý luận chung về pháp luật	3			31	A2.1
33	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3				A1.3, B1.4
34	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2				A2.4, B1.2, B2.1
35	Luật Hiến pháp	3	30	15	32	A2.1, A2.3, B2.1
36	Luật Hành chính	2	20	10	35	A2.1, A2.3, B2.1
37	Luật Dân sự 1	2	20	10	32	A2.1, A2.3, B2.1
38	Luật Dân sự 2	3	30	15	37	A2.1, A2.3, A2.4, B2.1, B2.2
39	Luật Hình sự 1	2	20	10	32	A2.1, A2.3, B2.1
40	Luật Hình sự 2	3	25	20	39	A2.1, A2.3, A2.4,

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bố theo giờ tín chỉ		Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
61	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	20	10	46, 48	A2.3, A2.4, B2.1, B2.2, C1, C2, C3, C4, C5, C6
62	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	2	20	10	55, 57	A2.3, A2.4, B2.1, B2.2, C1, C2, C3, C4, C5, C6
	Nhóm học phần kỹ năng	4				
63	Kỹ năng đàm phán, giao kết hợp đồng thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại	2			42, 48, 55	B1.1, B1.2, B1.3, B2.2, B2.3
64	Kỹ năng tư vấn hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực lao động	2			47, 48	B1.1, B1.2, B1.3, B2.2, B2.3
65	Kỹ năng tư vấn pháp luật tài chính, thuế	2			41, 57	B1.1, B1.2, B1.3, B2.2, B2.3
II.3	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10				
66	Kinh tế học pháp luật	3				A2.1, A2.2, A2.5, B2.2
67	Luật và Chính sách công	3				A2.1, A2.2, A2.5, B2.2
68	Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)	4				B2.4

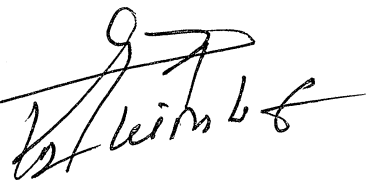
TỔ CẤP NHẬT



Nguyễn Thị Hương

P. PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH

TRƯỞNG KHOA/VIỆN



HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Lương